

Số: 50 /2025/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng
thuộc lĩnh vực Nội vụ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen
thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua,
khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi
đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung các Quyết định
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thuộc lĩnh vực Nội vụ.

Chương I

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH THUỘC
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 25/2023/QĐ-UBND NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023; QUY CHẾ
CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH CAO BẰNG
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 27/2024/QĐ-UBND NGÀY
31 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Quyết định số 25/2023/QĐ-
UBND như sau:**

"1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,
phường triển khai, tổ chức thực hiện việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ
chức phối hợp liên ngành theo đúng Quy chế này."

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND như sau:

1. Bãi bỏ các cụm từ “Tổ chức hội đặc thù được giao biên chế cấp tỉnh”, “Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố”, “Đảng ủy”, “các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã” tại Điều 2.

2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” tại Điều 13 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường”.

3. Thay thế cụm từ “Sở Thông tin và Truyền thông” tại khoản 1, khoản 3 Điều 11 và Điều 19 bằng cụm từ “Sở Khoa học và Công nghệ”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TỈNH CAO BẰNG BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2024/QĐ-UBND NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Điều 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và thực hiện theo các nguyên tắc sau:”.

Điều 4. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Không xét khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch (trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP; khoản 2 Điều 18 Quy chế này).”.

Điều 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 3, Điều 4 Thông tư số 15/2025/TT-BNV.”.

Điều 6. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 5 Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.”.

Điều 7. Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:**1. “Điều 26. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNV.”.

2. Bổ sung khoản 6, khoản 7, khoản 8 như sau:

“6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thuộc quyền quản lý; khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc quyền quản lý nhưng có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất thuộc quyền quản lý của tỉnh.

8. Đối với các doanh nghiệp, tập thể cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động tại địa phương đặt trụ sở giao dịch do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương nơi không đóng trụ sở chính, ngoài việc khen thưởng do người đứng đầu doanh nghiệp quyết định theo thẩm quyền thì người đứng đầu đơn vị thành viên thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi đơn vị thành viên có trụ sở và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.”.

Điều 9. Sửa đổi khoản 1, khoản 8 Điều 27 như sau:

1. “1. Thủ tục đề nghị khen thưởng thực hiện theo Điều 33, Điều 34 và Điều 44 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.”.

2. “8. Đối với việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, khi nhận được văn bản xin ý kiến về việc khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo Điều 84, Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước: Thực hiện theo Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42 và Điều 43 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

3. Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân;

c) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng hoặc Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

d) Tóm tắt thành tích nổi bật của trường hợp đề nghị khen thưởng;

đ) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Chứng nhận hoặc xác nhận của người đứng đầu tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học, công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh đối với trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

4. Hồ sơ tặng và truy tặng Bằng khen của tỉnh; tặng Giấy khen, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Tóm tắt thành tích nổi bật của trường hợp đề nghị khen thưởng;

đ) Trường hợp cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng Bằng khen của tỉnh do lập thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng.

5. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng: 01 bộ, kèm theo các tệp tin điện tử của hồ sơ (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước).”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Thủ tục, hồ sơ đơn giản

1. Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng và những đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Quy chế này.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.”.

Điều 12. Sửa đổi khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Việc xử lý vi phạm; hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự Nhà nước, thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 56, Điều 57, Điều 58 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.”.

Điều 13. Sửa đổi Điều 35 như sau:

“Điều 35. Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và một số nội dung cụ thể như sau:”.

Điều 14. Sửa đổi Điều 36 như sau:

“Điều 36. Mức tiền thưởng và chế độ đãi ngộ

Mức tiền thưởng và chế độ đãi ngộ kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.”.

Điều 15. Bãi bỏ toàn bộ Chương IV

Bãi bỏ toàn bộ Chương IV về xét, tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

Điều 16. Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ như sau:

1. Bãi bỏ một số cụm từ như sau:

- a) Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” tại khoản 3 Điều 8;
- b) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” tại khoản 2 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 15;
- c) Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19;
- d) Bãi bỏ cụm từ “Các cấp” tại khoản 5 Điều 8 và điểm b khoản 4 Điều 34;
- đ) Bãi bỏ cụm từ “Thị trấn” tại khoản 3 Điều 8 và Điều 34;
- e) Bãi bỏ cụm từ “Huyện, thành phố” tại Điều 34;
- g) Bãi bỏ cụm từ “Bằng hình thức Dịch vụ công trực tuyến toàn trình” tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 30;
- h) Bãi bỏ cụm từ “Điều 114 và Điều 115 Nghị định 98/2023/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 32;
- i) Bãi bỏ cụm từ “Điều 49 Nghị định 98/2023/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 33;
- k) Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch công đoàn cùng cấp” tại điểm b khoản 3 Điều 34.

2. Thay thế một số cụm từ như sau:

- a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” tại Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 15 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường”;
- b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” tại khoản 2 Điều 8, điểm b khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 26, khoản 6 Điều 27 bằng cụm từ “cấp xã”;
- c) Thay thế cụm từ “Sở Nội vụ” tại khoản 2 Điều 26 bằng cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo”;
- d) Thay thế cụm từ “Huyện ủy, Thành ủy” tại khoản 4 Điều 27 bằng cụm từ “Tỉnh ủy”;
- đ) Thay thế cụm từ “Phòng Nội vụ các huyện, thành phố” tại khoản 5 Điều 34 bằng cụm từ “Phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường”.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2025.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ulan*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV, NC. *Ulan*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ulan

Lê Hải Hòa